

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 8276 /UBND-TH
V/v triển khai thực hiện Nghị định số
259/2026/NĐ-CP của Chính phủ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 07 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: - Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Nghị định số 259/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức,

(Có văn bản kèm theo)

Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Bùi Thanh An có ý kiến như sau:

1. Giao các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường căn cứ nội dung quy định tại Nghị định nêu trên để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện đúng quy định; tham mưu thực hiện những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT TTr UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (T).

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đặng Thanh Tùng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 259/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với viên chức làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý, thành lập của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp xã theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Viên chức quy định tại Điều 1 Luật Viên chức số 129/2025/QH15.

2. Cơ quan quản lý viên chức, bao gồm:

a) Văn phòng Trung ương Đảng, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các Ban Đảng Trung ương, cơ quan có thẩm quyền khác của Đảng; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương;

b) Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương;

c) Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Kiểm toán nhà nước;

d) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

đ) Bộ, cơ quan ngang bộ;

e) Tổ chức do cấp có thẩm quyền thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp được giao thẩm quyền quản lý viên chức quy định tại Điều 40 Luật Viên chức số 129/2025/QH15);

g) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc được giao trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập), bao gồm:

a) Cơ quan quản lý viên chức quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc cơ quan mình;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan quản lý viên chức quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan mình.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Chương II TUYÊN DỤNG VIÊN CHỨC

Mục 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 3. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập sau đây có thẩm quyền tuyển dụng viên chức:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (sau đây gọi là đơn vị nhóm 1);

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị nhóm 2);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập khác được giao thẩm quyền tuyển dụng theo quy định của pháp luật về ngành, lĩnh vực.

2. Cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tuyển dụng viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị nhóm 4) theo phân cấp của cơ quan quản lý viên chức.

3. Đơn vị nhóm 3, đơn vị nhóm 4 thực hiện tuyển dụng viên chức theo phân cấp của cơ quan quản lý viên chức hoặc theo ủy quyền của cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc có thẩm quyền tuyển dụng viên chức nhưng không tự mình thực hiện tuyển dụng được thì báo cáo cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện.

Điều 4. Căn cứ tuyển dụng viên chức

1. Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu thực tế của đơn vị sự nghiệp công lập, yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, quỹ tiền lương và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

2. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng xây dựng kế hoạch tuyển dụng để làm căn cứ tổ chức tuyển dụng theo thẩm quyền.

Điều 5. Kế hoạch tuyển dụng

Nội dung kế hoạch tuyển dụng bao gồm:

1. Phương thức tuyển dụng (xét tuyển hoặc thi tuyển), trong đó xác định rõ trình tự thực hiện xét tuyển (nếu có), thi tuyển. Trường hợp tổ chức thi tuyển thì xác định cụ thể hình thức tổ chức thi môn nghiệp vụ chuyên ngành.

2. Số lượng biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước và từ nguồn thu sự nghiệp, tổng số người làm việc trong đơn vị (bao gồm tổng số biên chế viên chức, lao động hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ và lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ); số lượng biên chế chưa sử dụng của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Số lượng vị trí việc làm; số lượng người cần tuyển ở từng vị trí việc làm, trong đó xác định vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều đơn vị sử dụng viên chức khác nhau (nếu có).

4. Số lượng người cần tuyển, vị trí việc làm tuyển dụng riêng đối với người dân tộc thiểu số (nếu có), trong đó xác định cụ thể chỉ tiêu, cơ cấu dân tộc cần tuyển.

5. Số lượng người cần tuyển, vị trí việc làm thực hiện xét tuyển (nếu có) đối với từng nhóm đối tượng.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển ở từng vị trí việc làm và bậc nghề nghiệp tương ứng.

Trường hợp vị trí việc làm có yêu cầu trình độ ngoại ngữ thì thông tin rõ các loại văn bằng, chứng chỉ được xác định đáp ứng yêu cầu trình độ ngoại ngữ; thông tin chi tiết về việc thi ngoại ngữ (ngoại ngữ dự thi, trình độ thi, thời gian làm bài và các thông tin khác có liên quan) trong trường hợp người dự tuyển không có các loại văn bằng, chứng chỉ được đáp ứng yêu cầu.

7. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 6. Điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Luật Viên chức số 129/2025/QH15. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng xác định cụ thể các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại điểm g và điểm h khoản 1 Điều 19 Luật Viên chức số 129/2025/QH15, nhưng không thấp hơn các tiêu chuẩn chung và không được trái với các nguyên tắc tuyển dụng quy định tại Điều 16 Luật Viên chức số 129/2025/QH15.

2. Người đăng ký dự tuyển vào vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao có thể thấp hơn 18 tuổi nhưng phải từ đủ 15 tuổi trở lên và được sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật.

Điều 7. Các trường hợp thực hiện xét tuyển viên chức

Việc tuyển dụng viên chức thông qua hình thức xét tuyển do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng quyết định và được thực hiện riêng đối với từng nhóm đối tượng sau đây:

1. Người cam kết tình nguyện làm việc từ đủ 03 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trong lĩnh vực y tế, giáo dục và các lĩnh vực cơ bản, thiết yếu khác theo quy định của pháp luật.

2. Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học.

3. Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, người có tài năng thuộc đối tượng thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của Chính phủ hoặc quy định của cơ quan quản lý viên chức.

4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về ngành, lĩnh vực.

Điều 8. Ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả vòng 2.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b) AH

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Thị Thanh Trà